

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST
Ngày: 28-6-2023
“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Minh Hiền**

Ông Nguyễn Trọng Ngữ

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Thanh Toàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng B.**

Địa chỉ trụ sở: 111 A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Thu H** – GĐTT QLNN NHTW theo giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của TGD Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh **Lê Huy A**, anh **Bùi Phúc V2**, anh **Ngô Thanh V1** là cán bộ Ngân hàng B. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021.

Địa chỉ liên lạc: Số 26 K, Phường 25, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Lê Tuấn A1**, sinh năm 1982.

Trần Thị D, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện M, Đồng Tháp.

(Anh V2, anh Tuấn A1 có mặt; anh A, anh V1, chị D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại tờ tự khai và ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm anh Bùi Phúc V2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng B trình bày:*

- Ngày 08/11/2019, Ngân hàng B (gọi tắt là Ngân hàng) - PGD K với anh Lê Tuấn A1 và chị Trần Thị D hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019, với nội dung:

Ngân hàng cho anh Tuấn A1 và chị D vay số tiền là 590.000.000 đồng, mục đích vay vốn là: Thanh toán mua 01 xe ô tô mới nhãn hiệu Toyota Innova; thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu tiên nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 10, trả trong 84 tháng, trong 83 tháng đầu mỗi tháng trả 7.025.000 đồng, tháng cuối trả 6.925.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/12/2019; Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 10, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 10/12/2019; Trả phí theo quy định của B từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 66A-105.14 và bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng tài sản bảo đảm, theo hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 996727919 ngày 08/11/2019.

Ngân hàng đã giải ngân cho anh Tuấn A1 và chị D theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9643218 (1).19 ngày 08/11/2019, với số tiền 590.000.000 đồng đúng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Ngày 16/4/2020, Ngân hàng B – CN Đ ký với anh Tuấn A1 và chị D hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020, với nội dung:

Ngân hàng cho anh Tuấn A1 và chị D vay số tiền là 430.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán mua 01 xe ô tô mới nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 16/4/2027; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu tiên nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của B tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 25, trả trong 84 tháng, trong 83 tháng đầu mỗi tháng trả 5.110.000 đồng, tháng cuối trả 5.870.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/5/2020; Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày

25; Trả phí theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tài sản bảo đảm là ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT, biển số 66A-115.45 và bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng tài sản bảo đảm, theo hợp đồng hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6479336.20 ngày 16/4/2020.

Ngân hàng đã giải ngân cho anh Tuấn A1 và chị D theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2270668 (1).20 ngày 16/4/2020, với số tiền 430.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Tuấn A1 và chị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù ngân hàng đã luôn đôn đốc khách hàng thanh toán dứt nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện mà cố tình kéo dài.

Tạm tính đến ngày 28/6/2023, anh Tuấn A1 và chị D đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 343.765.479 đồng, trong đó gốc là 205.015.000 đồng, lãi là 138.750.479 đồng, còn nợ lại số tiền tổng cộng là 1.135.172.444 đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019 nợ gốc là 456.525.000 đồng; lãi là 181.953.332 đồng; Hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020 nợ gốc là 358.460.000 đồng, lãi là 138.234.112 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu buộc anh Tuấn A1 và chị D liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ gốc là 814.985.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/6/2023 là 320.187.444 đồng, tổng cộng là 1.135.172.444 đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019 nợ gốc là 456.525.000 đồng; lãi là 181.953.332 đồng; hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020 nợ gốc là 358.460.000 đồng, lãi là 138.234.112 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2023 cho đến khi anh Tuấn A1 và chị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký.

Đồng thời, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 996727919 ngày 08/11/2019 và hợp đồng hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6479336.20 ngày 16/4/2020.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Lê Tuấn A1 trình bày:*

Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Trước đây, anh và chị D có vay tiền của Ngân hàng B hai khoản vay như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, mục đích vay tiền là mua hai xe ô tô để chạy dịch vụ. Tuy nhiên, trong thời gian dịch Covid 19, do anh không làm ăn được nên không trả tiền cho Ngân hàng. Anh thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên trong các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là của anh và chị D. Nay nguyên đơn yêu cầu anh trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/6/2023, tổng cộng là 1.135.172.444 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2023 cho đến khi anh và chị D

thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký, anh đồng ý.

Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn chị Trần Thị D mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Tuấn A1 và chị D liên đới trả cho Ngân hàng số tiền là 1.103.147.477 đồng tạm tính đến ngày 11/4/2023 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/4/2023 cho đến khi anh Tuấn A1 và chị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:
- + Giấy ủy quyền ngày 14/12/2021 (bản chính).
- + Hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019 kèm điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (bản sao).
- + Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/11/2019 (bản sao).
- + Hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020 kèm điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (bản sao).
- + Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/4/2020 (bản sao).
- + Chứng minh nhân dân (bản sao), hộ khẩu (photo).
- + Giấy chứng nhận kết hôn (bản photo).
- + Căn cước công dân của bà H (bản sao).

- + Giấy ủy quyền ngày 04/01/2021 (bản sao).
 - + Quyết định số 21437.21 ngày 31/12/2020 (bản sao).
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao).
 - + Quyết định số 36489.21 ngày 12/6/2021 (bản photo).
 - + Quyết định tiếp nhận chính thức bà H (bản photo).
 - + Điều lệ (bản sao) + Quyết định số 133 ngày 28/6/2021 của Tòa án (bản sao)
 - + Bảng tự khai ngày 11/4/2023, ngày 28/6/2023 (bản chính).
 - + Bảng tính lãi đến ngày 11/4/2023, ngày 28/6/2023 (bản sao).
 - + Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 996727919 ngày 08/11/2019 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 66A-105.14 (bản sao).
 - + Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6479336.20 ngày 16/4/2020 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 66A-115.45 (bản sao).
 - Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.
 - * *Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:* Phiếu xác minh (bản chính).
- Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và tại phiên tòa.
- * *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không.
 - * *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Tuấn A1 và chị D liên đới trả tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã X, huyện M, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh A, anh V1 và bị đơn là chị D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A, anh V1 và chị D.

[1.4] Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-DS ngày 07/6/2023 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Lê Hoàng Thọ và bà Hồ Thị Thủy. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thọ, bà Thủy bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Nguyễn Trọng Ngử, ông Nguyễn Thanh Minh Hiền là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn yêu cầu anh Tuấn A1 và chị D liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ gốc là 814.985.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/6/2023 là 320.187.444 đồng, tổng cộng là 1.135.172.444 đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019 nợ gốc là 456.525.000 đồng; lãi là 181.953.332 đồng; hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020 nợ gốc là 358.460.000 đồng, lãi là 138.234.112 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2023 cho đến khi anh Tuấn A1 và chị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019 và hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020 giữa Ngân hàng với anh Tuấn A1 và chị D được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Căn cứ đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9643218 (1).19 ngày 08/11/2019 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2270668 (1).20 ngày 16/4/2020, Ngân hàng đã giải ngân hai khoản vay trên tổng cộng số tiền là 1.020.000.000 đồng (trong đó hợp đồng tín dụng số 9643218.19 giải ngân số tiền 590.000.000 đồng, hợp đồng tín dụng số 2270668.20 giải ngân số tiền 430.000.000 đồng) cho anh Tuấn A1, chị D. Quá trình tố tụng, chị D không có ý kiến phản đối với lời trình bày, chứng cứ và yêu cầu của Ngân hàng và **tại phiên tòa anh Tuấn A1 thừa nhận có vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày**, nên hợp đồng tín dụng số 9643218.19 ngày 08/11/2019, hợp đồng tín dụng số 2270668.20 ngày 16/4/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9643218 (1).19 ngày 08/11/2019, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2270668 (1).20 ngày 16/4/2020 được xem là chứng cứ và thuộc trường hợp không phải chứng minh theo Điều 92 và Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có đủ cơ sở xác định anh Tuấn A1 và chị D có vay của Ngân hàng với số tiền gốc tổng cộng là 1.020.000.000 đồng, đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Tuấn A1 và chị D không thực hiện đúng theo nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, tức không trả gốc và lãi cho Ngân hàng khi đến hạn và đến nay đã quá hạn hợp đồng và dư nợ gồm: Hợp đồng tín dụng số 9643218.19 nợ gốc là 456.525.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 2270668.20 nợ gốc là 358.460.000 đồng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Tuấn A1 và chị D trả số tiền vay gốc tổng cộng là

814.985.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/6/2023 tổng cộng là 320.187.444 đồng (trong đó: Hợp đồng tín dụng số 9643218.19 lãi trong hạn là 1.253.128 đồng, lãi quá hạn là 180.700.204 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2270668.20 lãi trong hạn là 924.290 đồng, lãi quá hạn là 137.309.822 đồng). Theo hợp đồng tín dụng số 9643218.19 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9643218 (1).19 lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm và hợp đồng tín dụng số 2270668.20 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2270668 (1).20 lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,6%/năm, lãi suất này chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và hết thời hạn này lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Đồng thời, tại phiên tòa anh Tuấn A1 đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và phù hợp Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở.

Đối với chị D đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 996727919 ngày 08/11/2019 và hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6479336.20 ngày 16/4/2020, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[5] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Anh Tuấn A1 và chị D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

Buộc anh Lê Tuấn A1 và chị Trần Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng B số tiền vay còn nợ gốc là 814.985.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/6/2023 là 320.187.444 đồng, tổng cộng là 1.135.172.444 đồng (Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2023 theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 9643218.19, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9643218 (1).19 cùng ngày 08/11/2019 và hợp đồng tín dụng số 2270668.20, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2270668 (1).20 cùng ngày 16/4/2020 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí:

Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng B **18.937.000 đồng (Mười tám triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0016848 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.**

Anh Lê Tuấn A1 và chị Trần Thị D phải liên đới chịu 46.055.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) **tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Hoàng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Thị Thi**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Vững – Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Minh Phường

